

Số: 484 /QĐ-THPT BK

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 3722/QĐ-SGDĐT ngày 08/11/2023 về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 (Điều chỉnh lần 4);

Căn cứ quyết định số 3757/QĐ-SGDĐT ngày 14/11/2023 về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 (Điều chỉnh lần 5);

Xét đề nghị của bộ phận tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán điều chỉnh lần 4, điều chỉnh lần 5 ngân sách năm 2023 của Trường THPT Bình Khánh theo biểu mẫu số 48 (kèm theo Quyết định số 3722/QĐ-SGDĐT ngày 08/11/2023, Quyết định số 3757/QĐ-SGDĐT ngày 14/11/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

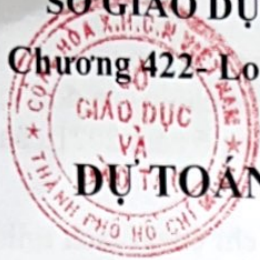
Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.



NGÔ TẤN HƯNG

Chương 422-Loại 070 – Khoản 074



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 4)**

Đơn vị: TRƯỜNG THPT BÌNH KHÁNH (MS : 1035494)

Mã KBNN nơi giao dịch: KHO BẠC HUYỆN CẦN GIỜ (MS : 0128)

(Kèm theo Quyết định số 3722/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2023

của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0		0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.076.132	952.391	14.028.523
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	13.076.132	952.391	14.028.523
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0		0
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	0		0
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0		0
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	0		0
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	0		0
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0		0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.076.132	952.391	14.028.523
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	7.707.132	952.391	8.659.523
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	Chưa tính		Chưa tính
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	5.369.000	0	5.369.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	5.369.000	0	5.369.000
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	0	

Ghi chú:

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu học phí trong năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
2. Kinh phí chi lương và các khoản chi phí hoạt động được bố trí trong kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ nguồn ngân sách thành phố (cho đến khi phương án tự chủ tài chính của đơn vị được phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập).
3. Nguồn kinh phí chi chính sách tăng lương theo lộ trình của Chính phủ, chi chính sách tinh giản biên chế, chế độ thôi việc và chi thu nhập tăng thêm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, Công văn số 5439/UBND-KT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập dự toán, bố trí kinh phí và thủ tục thanh, quyết toán, chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
4. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	5.955.000	0	5.955.000
2	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	656.834	86.544	743.378
3	Kinh phí vùng sâu	394.800	25.200	420.000
4	Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế	5.400	0	5.400
5	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	0	53.597	53.597
6	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	660.600	0	660.600
7	Kinh phí sinh hoạt hè	34.498	0	34.498
8	Kinh phí trợ cấp thôi việc	0	0	0
9	Kinh phí mua sắm	0	0	0
10	Kinh phí sửa chữa	0	0	0
11	Kinh phí miễn giảm học phí	0	346.950	346.950
12	Hỗ trợ chi phí học tập	0	440.100	440.100
13	Tiền công dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND	0	0	0
14	Chi chính sách tăng lương theo lộ trình của Chính phủ, chi chính sách tinh giản biên chế, chế độ thôi việc và chi thu nhập tăng thêm theo quy định	5.369.000	0	5.369.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48



Chương 422- Loại 070 – Khoản 074

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 5)**

Đơn vị: TRƯỜNG THPT BÌNH KHÁNH (MS : 1035494)

Mã KBNN nơi giao dịch: KHO BẠC HUYỆN CẦN GIỜ (MS : 0128)

(Kèm theo Quyết định số 3757/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2023
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0		0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.028.523	2.191.000	16.219.523
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	14.028.523	2.191.000	16.219.523
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	8.146.000	8.146.000
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	0	8.146.000	8.146.000
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0	262.600	262.600
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	0		0
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	0		0
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0		0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.028.523	-5.955.000	8.073.523
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	8.659.523	-5.955.000	2.704.523
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0		0
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	5.369.000	0	5.369.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	5.369.000	0	5.369.000
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0	0	0

Ghi chú:

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu học phí trong năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
2. Nguồn kinh phí chi chính sách tăng lương theo lộ trình của Chính phủ, chi chính sách tinh giản biên chế, chế độ thôi việc và chi thu nhập tăng thêm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, Công văn số 5439/UBND-KT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc lập dự toán, bố trí kinh phí và thủ tục thanh, quyết toán, chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	5.955.000	-5.955.000	0
2	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	743.378	0	743.378
3	Kinh phí vùng sâu	420.000	0	420.000
4	Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế	5.400	0	5.400
5	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	53.597	0	53.597
6	Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	660.600	0	660.600
7	Kinh phí sinh hoạt hè	34.498	0	34.498
8	Kinh phí trợ cấp thôi việc	0	0	0
9	Kinh phí mua sắm	0	0	0
10	Kinh phí sửa chữa	0	0	0
11	Kinh phí miễn giảm học phí 304.950	346.950	0	346.950
12	Hỗ trợ chi phí học tập 394.350	440.100	0	440.100
13	Tiền công dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND	0	0	0
14	Chi chính sách tăng lương theo lộ trình của Chính phủ, chi chính sách tinh giản biên chế, chế độ thôi việc và chi thu nhập tăng thêm theo quy định	5.369.000	0	5.369.000